

Bản án số: 67/2021/DS-ST

Ngày: 24-11-2021

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Thảo

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Huỳnh Thanh Trà

2. Ông Lê Truyền Bình

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trần Minh Tâm, Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

Ngày 24 tháng 11 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 91/2021/TLST-DS ngày 09 tháng 7 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2021/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị S** – Sinh năm 19xx - Địa chỉ: Đường N, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng. (Có mặt)

* *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Duy M** – Sinh năm 19xx - Địa chỉ: Đường G, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng. (Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị S trình bày:*

Vào ngày 13/4/2021, bà có cho ông Nguyễn Duy M vay số tiền là 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng), ông M có viết giấy vay tiền cho bà. Tại giấy vay tiền không thể hiện thời hạn vay, nhưng hai bên thỏa thuận thời hạn vay là 01 ngày. Trong quá trình vay tiền, ông M chỉ trả bà số tiền là 820.000.000 đồng, cụ thể như sau: Ngày 14/4/2021 ông M trả 700.000.000 đồng; ngày 17/4/2021 ông M trả 80.000.000 đồng; ngày 19/4/2021 ông M trả 40.000.000 đồng. Số tiền còn lại là 180.000.000 đồng bà đã nhiều lần yêu cầu ông M trả nhưng đến nay ông M vẫn không thực hiện. Do đó, bà khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Duy M phải trả cho bà số tiền là 180.000.000 đồng, bà không yêu cầu tính lãi.

Đối với việc ông Nguyễn Duy M cho rằng bà có tham gia đặt cọc mua lô đất

B6 lô 10 Khu Sea Thuận Phước, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng và bị mất số tiền cọc 43.000.000 đồng do không bán được đất là không đúng. Bà không biết cũng như không đồng ý việc đặt cọc mua bán đất này nên không chấp nhận yêu cầu của ông M về việc trừ số tiền 43.000.000 đồng vào số tiền 180.000.000 đồng còn nợ bà.

** Tại Đơn xin giải trình và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông Nguyễn Duy M trình bày:*

Vào lúc 13 giờ ngày 13/4/2021, ông có vay của bà Nguyễn Thị S số tiền là 1.000.000.000 đồng, có viết giấy vay tiền và hứa trả sau 01 ngày. Vào 20 giờ ngày 13/4/2021, ông đã trả cho bà S 700.000.000. Ngày 14/4/2021, ông có đặt cọc mua lô đất B6 Lô 10 Khu Sea Thuận Phước, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng với số tiền 300.000.000 đồng (Chia 7 người chung, trong đó có bà S). Ông đã hỏi ý kiến và bà S đã đồng ý. Sau đó, ông đã trả cho bà S thêm 120.000.000 đồng, chia làm 02 lần, lần đầu trả 80.000.000 đồng vào ngày 14/4/2021 và lần sau trả 40.000.000 đồng vào ngày 15/4/2021. Sau khoảng 10 ngày, bà S đổi ý không tham gia đặt cọc lô đất B6 Lô 10 Khu Sea Thuận Phước, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng, nhưng lúc đó lô đất này không bán được nên mỗi người bị mất số tiền cọc là 43.000.000 đồng. Do đó, số tiền ông còn nợ bà Nguyễn Thị S là 180.000.000 đồng – 43.000.000 đồng = 137.000.000 đồng. Ông đồng ý trả cho bà S 137.000.000 đồng, nhưng hiện nay ông không có khả năng trả một lần nên xin trả dần 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi hết nợ.

Tuy nhiên, tại Đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 23/11/2021, ông Nguyễn Duy M thay đổi ý kiến. Ông đồng ý trả cho bà Nguyễn Thị S số tiền 180.000.000 đồng nhưng xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng vì lý do ảnh hưởng dịch bệnh nên việc làm ăn khó khăn và tài sản của ông bị mất hết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn là ông Nguyễn Duy M có nơi cư trú tại quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng nên vụ án do Tòa án nhân quận Hải Châu thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa, bị đơn là ông Nguyễn Duy M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Duy M là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[3] Xét giấy vay tiền ngày 13/4/2021: Đây là hợp đồng vay tài sản và hợp đồng này thỏa mãn các điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự theo quy định tại Điều 117 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên có hiệu lực pháp luật, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên tham gia giao dịch.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị S về việc yêu cầu ông Nguyễn Duy M phải trả số tiền vay là 180.000.000 đồng: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như lời trình bày của các đương sự, Tòa án có đủ cơ sở xác định: Vào ngày 13/4/2021, bà Nguyễn Thị S có cho ông Nguyễn Duy M vay số tiền là 1.000.000.000 đồng, thời hạn vay 01 ngày. Trong quá trình vay, ông Nguyễn Duy M đã trả được 820.000.000 đồng, số tiền còn lại là 180.000.000 đồng đến nay ông M vẫn chưa trả dù bà Nguyễn Thị S đã nhiều lần yêu cầu ông M trả tiền. Như vậy, ông Nguyễn Duy M đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Do đó, Tòa án căn cứ các điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Nguyễn Duy M phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị S số tiền là 180.000.000 đồng. Bà S không yêu cầu tính lãi nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Tại Đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 23/11/2021, ông Nguyễn Duy M chấp nhận trả số tiền 180.000.000 đồng nhưng xin được trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Việc xin trả dần của ông M không được nguyên đơn đồng ý nên Tòa án không có cơ sở để chấp nhận.

[6] Đối với ý kiến ban đầu của ông Nguyễn Duy M cho rằng bà Nguyễn Thị S có chung số tiền cọc là 43.000.000 đồng để đặt cọc mua lô đất B6 Lô 10 Khu Sea Thuận Phước, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng nhưng bị mất cọc nên phải trừ số tiền này vào số tiền 180.000.000 đồng: Bà Nguyễn Thị S không thừa nhận việc này; ông Nguyễn Duy M cũng không có chứng cứ chứng minh lời trình bày của mình và không có yêu cầu phản tố nên Tòa án không xem xét giải quyết trong vụ án này. Nếu các bên có tranh chấp thì khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ án khác.

[7] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn là ông Nguyễn Duy M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 9.000.000 đồng. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho bà Nguyễn Thị S.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các điều 117, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Căn cứ vào Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện bà Nguyễn Thị S đối với ông Nguyễn Duy M.

Xử:

1. Buộc ông Nguyễn Duy M phải trả cho bà Nguyễn Thị S số tiền là 180.000.000 đồng.

2. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm là 9.000.000 đồng ông Nguyễn Duy M phải chịu.
- Bà Nguyễn Thị S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.500.000 đồng theo biên lai thu số 0005584 ngày 08 tháng 7 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu.

3. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị S có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Duy M vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND quận Hải Châu;
- Chi cục THADS quận Hải Châu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thu Thảo